

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703

Fax: (84-4) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG

Địa chỉ: 162 Đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 043 8544 359

Fax: 043 8543 678

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3573 0073

Fax: (84-4) 3573 008

Hà Nội, tháng 02 năm 2015

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG**
- Tên tiếng Anh : TRANSPORT MATERIAL EQUIPMENT SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ : 162 Đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn Điều lệ hiện tại : 120.000.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 12.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cp
- **Giá khởi điểm** : **12.100 đồng/cp**
- Ngành nghề kinh doanh : *- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị giao thông;
- Kinh doanh phụ tùng ô tô, máy móc, thiết bị và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Cho thuê phương tiện vận tải và máy móc thiết bị khác;
- Dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Đào tạo, dạy nghề nhân viên dịch vụ, nhân viên nghiệp vụ quản lý;
- Xuất khẩu lao động;
- Đào tạo dạy nghề công nhân kỹ thuật.*

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần : **Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước**
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : **2.974.361** cổ phần (chiếm tỷ lệ **24,79%** vốn điều lệ)
- Phương thức chào bán :
 - Bán đấu giá công khai **892.400** cổ phần (chiếm tỷ lệ **7,44%** vốn điều lệ)
 - Bán cho người lao động **2.081.961** cổ phần (chiếm **17,35%** vốn điều lệ)
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

3. Tổ chức Tư vấn bán đầu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3573 0073

Fax: (84-4) 3573 0088

Website: www.ivs.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế:.....	6
2.	Rủi ro về pháp luật:	6
3.	Rủi ro đặc thù:.....	6
4.	Rủi ro của đợt chào bán:	7
5.	Rủi ro khác:	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	9
1.	Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông	9
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	9
III.	CÁC TỪ VIẾT TẮT	9
IV.	GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU	11
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN. 12	
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	12
1.1.	<i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....</i>	12
1.2.	<i>Giới thiệu về Công ty:</i>	13
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty:	14
2.1.	<i>Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:.....</i>	14
2.2.	<i>Diễn giải sơ đồ:</i>	15
3.1.	<i>Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 30/06/2014:</i>	20
3.2.	<i>Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty tính đến ngày 30/06/2014:</i>	20
4.	Danh sách những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: 21	
4.1.	<i>Danh sách những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:</i>	21
4.2.	<i>Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: 21</i>	
5.	Hoạt động kinh doanh:	21
5.1.	<i>Sản phẩm của Công ty:.....</i>	21
5.2.	<i>Nguyên vật liệu:</i>	24
5.3.	<i>5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh:</i>	24
5.4.	<i>Tình hình nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới: (không có).....</i>	25
5.5.	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm: (không có).....</i>	25

5.6. <i>Hoạt động Marketing:</i>	25
5.7. <i>Nhãn hiệu thương mại:</i>	25
7.1. <i>Vị thế của Công ty trong ngành:</i>	28
7.2. <i>Triển vọng phát triển của ngành:</i>	28
7.3. <i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:</i>	28
8. <i>Chính sách đối với người lao động:</i>	28
8.1. <i>Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2014:</i>	28
8.2. <i>Chính sách đối với người lao động:</i>	29
9. <i>Tình hình tài chính:</i>	29
9.1. <i>Báo cáo về Vốn điều lệ:</i>	29
9.2. <i>Trích khấu hao tài sản cố định:</i>	29
9.3. <i>Mức thu nhập bình quân của CNV:</i>	29
9.4. <i>Thanh toán các khoản nợ đến hạn:</i>	29
9.5. <i>Các khoản phải nộp theo luật định:</i>	30
9.6. <i>Trích lập các quỹ theo luật định:</i>	31
9.7. <i>Tổng dư nợ vay:</i>	31
9.8. <i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:</i>	32
9.9. <i>Tình hình công nợ hiện nay:</i>	32
9.10. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:</i>	34
10. <i>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: (Không có)</i>	35
11. <i>Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: (Không có)</i>	35
12. <i>Tài sản</i>	36
12.1. <i>Tình hình sử dụng đất của Công ty:</i>	37
14.1. <i>Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:</i>	39
14.2. <i>Danh sách thành viên Ban kiểm soát:</i>	42
14.3. <i>Danh sách thành viên Ban Giám đốc:</i>	44
14.4. <i>Kế toán trưởng:</i>	44
VI. <i>THAY LỜI KẾT</i>	45

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Rủi ro về kinh tế:**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc với dấu hiệu tích cực, với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao hơn cùng kỳ hai năm trước (ước tính đạt 5,18% so với mức 4,93% năm 2013). Ngoài ra, tăng trưởng GDP hàng quý, sau khi loại bỏ yếu tố mùa vụ, tiếp tục có xu hướng tăng kể từ quý 2/2013. Giá cả hàng hóa khá ổn định, với mức tăng của Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5% trong những tháng đầu năm 2014. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 70,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2013. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 69,6 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 30,3 tỷ USD, tăng 10,3%. Như vậy, Việt Nam tiếp tục xuất siêu xấp xỉ 1,3 tỷ USD trong nửa đầu năm 2014, sau khi đã xuất siêu 0,9 tỷ USD ở năm trước đó.

Tuy nhiên, bên cạnh đó nền kinh tế toàn cầu có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế về chính trị, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực, sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, sức ép nợ xấu, nợ công còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng dân dụng...Điều này thực sự đã có những tác động đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông nói riêng.

2. Rủi ro về pháp luật:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện.
- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù:**Rủi ro lãi suất:**

Tiếp tục xu hướng hạ lãi suất và kiềm chế lạm phát trong năm 2013, ngày 17/03/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các quyết định số 498/QĐ-NHNN và quyết định số 499/QĐ-NHNN nhằm hạ lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Cụ thể: lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7%/năm xuống 6%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 9%/năm

xuống 8%/năm...

Những biến động của lãi suất có tác động đến kế hoạch kinh doanh của Công ty, bởi lãi suất đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp.



Rủi ro tỷ giá hối đoái:

Mặc dù tỷ giá luôn đóng vai trò rất quan trọng đối với sự ổn định kinh tế và sự ổn định hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt đối với hoạt động của Doanh nghiệp thương mại như Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông, khi mảng kinh doanh thương mại của công ty phụ thuộc vào xuất nhập khẩu. Tuy nhiên tỷ giá luôn có xu hướng biến động tăng, điều đó đã ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu tăng, giá vốn tăng, dẫn đến doanh nghiệp khó có hiệu quả hoặc nếu có với mức giá bán kém tính cạnh tranh của doanh nghiệp.



Rủi ro tín dụng:

Trên nguyên tắc rằng khi một trong số các bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình dẫn tới tổn thất về tài chính cho Công ty. Do vậy với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty luôn đối mặt với các rủi ro tín dụng tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

4. Rủi ro của đợt chào bán:

Công ty chào bán cổ phần trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi; lĩnh vực xây dựng dân dụng trầm lắng trong khi ngành nghề hoạt động chính của Công ty là cung cấp vật tư như bê tông, nhũ tương và đá xây dựng; Do vậy, rủi ro từ đợt chào bán lần này là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Thị trường bất động sản đóng băng kéo theo sự suy thoái của ngành xây dựng, cùng với đó là tác động không hề nhỏ đến ngành vật liệu xây dựng. Nhu cầu giảm sút từ xây dựng sẽ kéo theo giảm sút doanh thu lợi nhuận của ngành sản xuất vật liệu xây dựng là mảng đem lại doanh thu chính cho Công ty.

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người, công trình thi công và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông

Ông: Vũ Kim Bảng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo Pháp luật

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Đại diện theo Pháp luật: **Ông Phạm Hữu Tuân** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 1403/2014/IVS/HĐ-TV ngày 25 tháng 06 năm 2014 ký giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông cung cấp. Bản Công bố Thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức tư vấn và cổ đông bán cổ phần không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty.

III. CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty:	Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông
- BKS	Ban kiểm soát
- BCKT	Báo cáo kiểm toán
- BCTC	Báo cáo tài chính
- CBTT	Công bố thông tin
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- CTCP	Công ty cổ phần
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
- HĐQT	Hội đồng quản trị

- TMCP Thương mại cổ phần
- TSCĐ Tài sản cố định
- UBND Ủy ban Nhân dân
- SCIC Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước
- WTO World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU**1. Giới thiệu về tổ chức thực hiện chào bán cổ phiếu:**

- Tên tổ chức đăng ký chào bán: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC.**
- Tên giao dịch: **STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION (SCIC).**
- Vốn điều lệ: 19.000.000.000.000 (Mười chín nghìn tỷ đồng).
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23 tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4)3 824 0703 Fax: (84-4)6 278 0136
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 11 năm 2011.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư vào các lĩnh vực theo nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao; Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh vốn.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Đầu tư và kinh doanh vốn vào các ngành, lĩnh vực đem lại hiệu quả kinh tế cao; Cung cấp các dịch vụ tư vấn: đầu tư, tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin.

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010.

Ngày 01/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

3. **Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được chào bán:** Cổ đông lớn.
4. **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 24,79%.
5. **Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu:** 100%.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 5/9/1967, Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải đã ra quyết định số 1712/QĐ-TCCB thành lập Xưởng vật liệu 202 trực thuộc Cục quản lý đường bộ, tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông ngày nay.

Năm 1983, Xưởng vật liệu 202 đã được hợp nhất với một đơn vị cung ứng vật tư khác để trở thành Xí nghiệp cung ứng vật tư thiết bị 2 trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp xây dựng công trình giao thông 2, sau đổi thành Khu quản lý đường bộ 2 thuộc Bộ Giao thông vận tải. Nhiệm vụ của Xí nghiệp là cung ứng vật tư, thiết bị cho các đơn vị thuộc Khu, thuộc Bộ Giao thông vận tải trong công tác sửa chữa, xây dựng cầu, đường bộ.

Từ năm 1992, bên cạnh các hoạt động cung ứng vật tư và thiết bị, Xí nghiệp đầu tư sản xuất đá xây dựng tại Kiện Khê.

Năm 1993, Xí nghiệp cung ứng Vật tư thiết bị 2 được thành lập lại theo Nghị định 388/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và đổi thành “Công ty vật tư thiết bị giao thông 2”.

Năm 1994, thành lập xí nghiệp hợp doanh TRANSMECO-CHAMBARD để nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất nhũ tương nhựa đường gốc axit theo công nghệ Pháp vào lĩnh vực duy tu, sửa chữa và xây dựng đường bộ ở Việt Nam (đã hết thời hạn hợp tác kinh doanh và chấm dứt hoạt động từ ngày 14/6/2014).

Năm 1995, liên doanh với tập đoàn Pioneer International Co., Ltd (Australia) sản xuất đá và bê tông tươi với cơ sở sản xuất đá tại Mỏ đá Đồng Ao – Thanh Thủy - Thanh Liêm – Hà Nam và cơ sở sản xuất bê tông tươi tại Km 12 - Quốc lộ 1A – Vĩnh Quỳnh – Thanh Trì – Hà Nội. Đến năm 2000, liên doanh giải thể và Công ty đã mua lại toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Pioneer Việt Nam.

Ngày 13/8/1996 Bộ Giao thông vận tải có quyết định số 2137/TC-CB, thực hiện việc sắp xếp lại theo Chỉ thị số 500/TTg của Thủ tướng Chính phủ thành Công ty nhà nước có Hội đồng quản trị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành Công ty Vật tư thiết bị và Xây dựng công trình giao thông – Transmecco.

Năm 2001 Công ty đã thành lập Trung tâm đào tạo và xuất khẩu lao động để đào tạo và xuất khẩu lao động (chủ yếu đi Đài Loan).

Ngày 6/10/2003 Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 2956/QĐ-BGTVT về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư thiết bị và Xây dựng công trình giao thông thành Công ty cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với tên gọi: Công ty cổ phần

vật tư thiết bị giao thông từ ngày 1/7/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103004634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/6/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 21/10/2014.

Ngày 01/07/2008, Công ty tách hai đơn vị phụ thuộc thành 2 Công ty hạch toán độc lập: Công ty TNHH một thành viên Đá xây dựng TRANSMECO và Công ty TNHH một thành viên Bê tông TRANSMECO.

Ngày 01/01/2010, Công ty tách hoạt động kinh doanh thương mại thành 2 Công ty hạch toán độc lập: Công ty TNHH một thành viên Nhựa đường TRANSMECO và Công ty TNHH một thành viên Thiết bị TRANSMECO.

Năm 2012, Công ty TNHH MTV Thiết bị TRANSMECO sáp nhập với Công ty TNHH MTV Máy xây dựng Vạn Xuân (do Công ty cổ phần Vạn Xuân đầu tư và thành lập), để trở thành Công ty TNHH Thiết bị TRANSMECO (công ty có hai thành viên là Công ty cổ phần vật tư thiết bị giao thông - TRANSMECO và Công ty cổ phần Vạn Xuân) có trụ sở đóng tại 162 Khuất Duy Tiến – Nhân Chính – Thanh Xuân - Hà Nội.

1.2. Giới thiệu về Công ty:

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG
- Tên nước ngoài: TRANSPORT MATERIAL EQUIPMENT SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TRANSMECO
- Trụ sở chính: 162 Đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 043 8544 359 Fax: 043 8543 678
- Website: <http://www.transmeco.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101505800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 21 tháng 10 năm 2014, ngành nghề kinh doanh Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị giao thông;
- Kinh doanh phụ tùng ô tô , máy móc, thiết bị và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Cho thuê phương tiện vận tải và máy móc thiết bị khác;
- Dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Đào tạo, dạy nghề nhân viên dịch vụ, nhân viên nghiệp vụ quản lý;
- Xuất khẩu lao động;

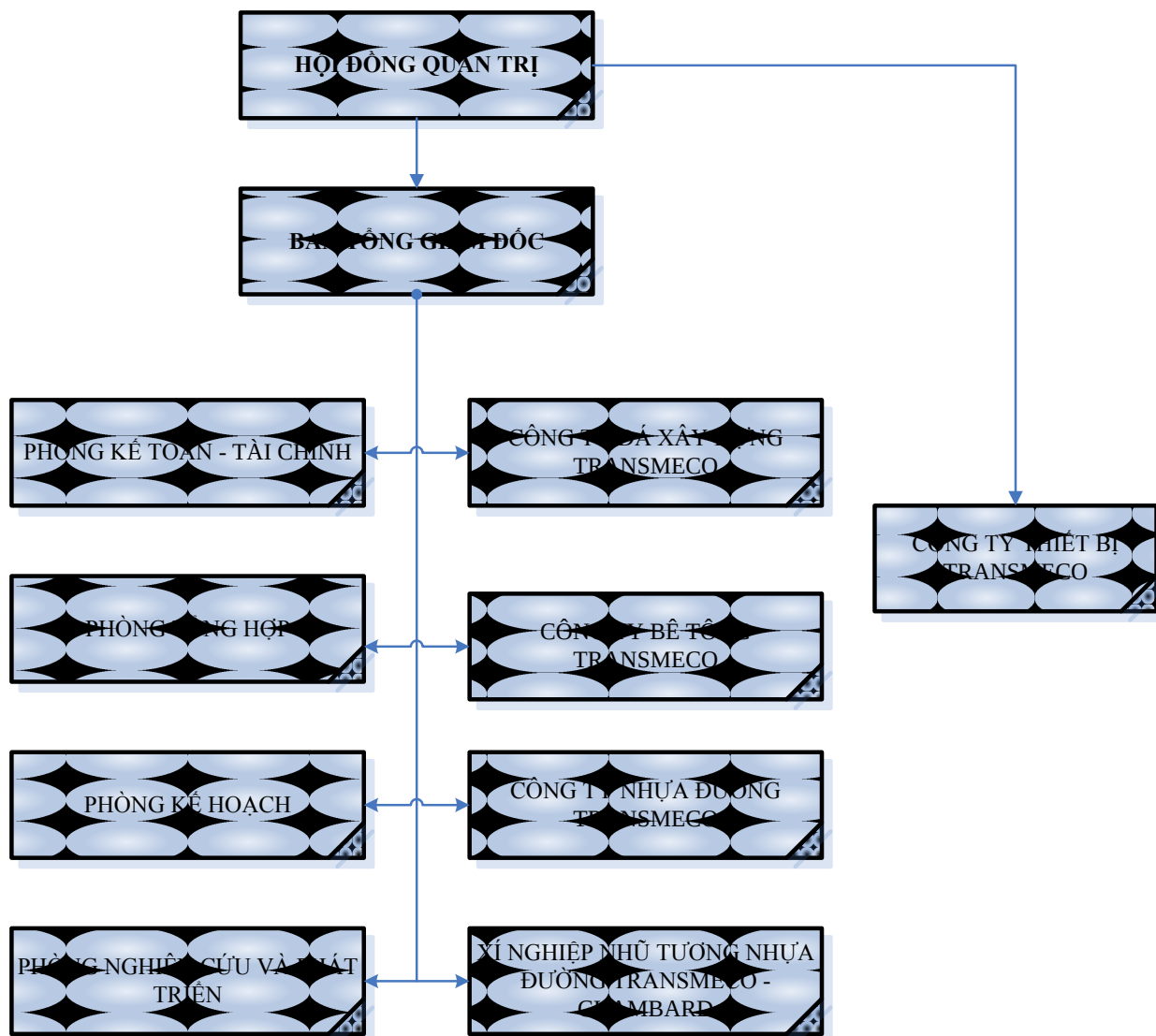
- Đào tạo dạy nghề công nhân kỹ thuật..

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.

Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:



(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Lưu ý: XN Nhũ tương nhựa đường Transmeco- Chambard đã hết hạn Hợp đồng hợp tác kinh doanh và chấm dứt hoạt động từ ngày 14/06/2014.

Diễn giải sơ đồ:**2.2.1.Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự, được tổ chức mỗi năm một, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể họp ĐHĐCĐ bất thường.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty

Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

- a./ Báo cáo tài chính hàng năm;
- b./ Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty;
- c./ Báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d./ Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- e./ Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- f./ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- g./ Phê chuẩn danh sách các công ty kiểm toán do Ban kiểm soát đề xuất;
- h./ Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- i./ Tổng số tiền thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
- j./ Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- k./ Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- l./ Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m./ Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n./ Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- o./ Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p./ Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- q./ Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r./ Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

2.2.2. Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

Quyết định các vấn đề sau:

- a./ Chiến lược phát triển của Công ty;
- b./ Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn; kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- c./ Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d./ Quyết định việc bổ sung, thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty;
- e./ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- f. / Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- g./ Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- h./ Lựa chọn Công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại cuộc họp thường niên;
- i./ Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức theo mức cổ tức mà Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- j./ Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; Quyết định giá khởi điểm trong trường hợp đấu giá.
- k./ Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- l./ Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- m./ Việc công ty mua, mua lại không quá 10% mỗi loại cổ phần của Công ty;
- n./ Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- o./ Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy

định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tống công ty và liên doanh);

p./ Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

q./ Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

r./ Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

s./ Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

t./ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

Đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau:

a./ Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

b./ Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các loại chứng khoán khác;

c./ Đề xuất mức cổ tức chi trả hàng năm;

d./ Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

2.2.3. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cho cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, thành viên Ban kiểm soát phải có trình độ chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông trong Công ty.

Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát :

- Kiểm tra, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính hàng năm;
- Kiểm tra các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này.
- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban; tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
- Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực tính hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán để Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Việc kiểm tra theo điểm a. và b. của khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, không gây gián đoạn hoặc làm trở ngại đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2.2.4. Ban Giám đốc Công ty:

Công ty có một Tổng giám đốc và một hoặc một số Phó tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo và kế hoạch 3 năm liền kề trên cơ sở đáp ứng các mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2.2.5. Các phòng, ban và đơn vị kinh doanh:

a./ Phòng Tổng hợp:

- Công tác tổ chức
- Công tác quản trị nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp
- Công tác tiền lương - khen thưởng - chế độ chính sách
- Công tác quản trị hành chính
- Công tác PR - quảng cáo
- Công tác pháp chế

b./ Phòng Kế hoạch:

+ Công tác kế hoạch:

- Tham gia hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch các năm liên kế của công ty
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị, công ty trong cả năm

+ Quản lý các dự án đầu tư:

- Lập dự án, xây dựng kế hoạch tổng thể để triển khai các dự án do công ty mẹ đầu tư (DA nhà máy nhũ tương, DA kho nhựa nóng,...)
- Thẩm định các dự án do các đơn vị thành viên gửi lên trình

+ Tham gia quản trị tài chính Công ty:

- Xây dựng cơ cấu vốn, phương thức huy động vốn và cân đối vốn cho kinh doanh – cho đầu tư trong kế hoạch năm
- Phân tích, đánh giá để xây dựng các hạn mức, định mức chi phí làm cơ sở: 1) Xây dựng kế hoạch; 2) Kiểm soát chi phí; 3) Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn – tài chính.
- Xây dựng các chỉ số tài chính để làm căn cứ quản lý.

c./ Phòng Kế toán tài chính:

- Công tác tổ chức hạch toán kế toán
- Công tác quản trị tài chính
- Xây dựng qui chế quản lý
- Kiểm soát tài chính
- Tổng hợp, phân tích chi phí phục vụ mục đích quản trị doanh nghiệp
- Công tác hỗ trợ kinh doanh, nghiệp vụ
- Công tác cân đối vốn và ngoại tệ
- Công tác quản lý công nợ
- Công tác xây dựng hệ thống tổ chức quản lý, hạch toán kế toán

d./ Phòng Nghiên cứu và Phát triển:

- Tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Công ty trong công tác kỹ thuật - công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm, để mọi sản phẩm, dịch vụ do Công ty tổ chức sản xuất, cung ứng, luôn đáp ứng được xu hướng phát triển công nghệ, nhu cầu của thị trường và yêu cầu quản lý của nhà nước.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để nghiên cứu thị trường, khu vực thị trường, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc xây dựng kế hoạch, phương án tiêu thụ sản phẩm (bao gồm cả việc đầu tư bổ sung cơ sở vật chất).
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về công tác xây dựng cơ bản: xây dựng hệ thống quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý các dự án hoặc trực tiếp triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ bản của Công ty theo phân cấp, phân công của Lãnh đạo Công ty.

3. Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:**3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 30/06/2014:**

Stt	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông Nhà nước	2.974.361	29.743.610.000	24,79%
2	Cổ đông trong Công ty	4.186.312	42.183.930.000	34,89%
3	Cổ đông ngoài Công ty	4.839.327	48.072.460.000	40,33%
Tổng cộng		12.000.000	120.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty tính đến ngày 30/06/2014:

TT	Cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ trọng(%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước	2.974.361	24,79%
2	Vũ Kim Bảng	2.216.971	18,47%
3	Vũ Thị Hà	1.231.432	10,26%
4	Nguyễn Thị Minh	1.163.932	9,70%
5	Lê Ngọc Diệp	678.929	5,66%
Tổng cộng		8.265.625	68,88%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

4. Danh sách những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

4.1. Danh sách những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ chi phối (%)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Một thành viên Đá Xây dựng Transmeco	Hà Nam	100%	Sản xuất, chế biến đá xây dựng và các sản phẩm khác từ đá
2	Công ty TNHH Một thành viên bê tông Transmeco	Hà Nội	100%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng
3	Công ty TNHH Một thành viên nhựa đường Transmeco	Hà Nội	100%	Kinh doanh nhựa đường
4	Công ty TNHH Một thành viên thiết bị Transmeco	Hà Nội	57%	Kinh doanh thiết bị
5	CN công ty Cổ phần vật tư thiết bị giao thông – XN Nhũ tương nhựa đường Transmeco-Chambard	Hà Nội	49%	CN Công ty CP vật tư thiết bị giao thông- XN Nhũ tương nhựa đường Transmeco- Chambard được thành lập trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Chambard – CH Pháp và đã hết hạn hợp tác & chấm dứt hoạt động từ ngày 14/6/2014, hiện đang làm các thủ tục giải thể.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

4.2. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:
Không có

5. Hoạt động kinh doanh:

5.1. Sản phẩm của Công ty:

Doanh thu chính của công ty đem lại từ sản xuất bê tông. Vào năm 2011, sản phẩm này đem tới 55% tỷ trọng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và 37,6% tỷ trọng trong cơ cấu lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh. So với 2011, doanh thu từ sản phẩm này đã giảm gần 48% và lợi nhuận đã sụt giảm gần 91% trong năm 2013. Bê tông được công ty sản xuất được chia thành ba loại theo mục đích sử dụng: Bê tông phục vụ thi công các công trình giao thông, bê tông phục vụ thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, bê tông chất lượng cao. Với mục đích phục vụ công trình giao thông và xây dựng

dân dụng, các loại bê tông là loại mác 15Mpa – 50Mpa đạt tiêu chuẩn AASHATO, ASTM, BS và TCVN. Với bê tông chất lượng cao, Công ty đang tiếp tục tiến hành nghiên cứu chế tạo các loại bê tông mới có cường độ yêu cầu > 60Mpa và đáp ứng các yêu cầu thi công.

Sản xuất đá xây dựng chỉ đem lại 9,6% trong cơ cấu doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng đem lại 38,1% trong cơ cấu lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2011. Lợi nhuận tiếp tục chiếm khoảng trên 30% cơ cấu doanh thu qua các năm và tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu vẫn quanh mức 8-10% trong 3 năm liên tiếp tính tới 2013. Sản phẩm đá của công ty bao gồm : Đá 10x20mm - dùng để sản xuất bê tông xi măng, bê tông asphalt trong thi công các công trình xây dựng và công trình giao thông; Đá 20x40mm - dùng để sản xuất bê tông xi măng trong thi công các công trình xây dựng và công trình giao thông; Đá 5x15m - dùng để sản xuất bê tông xi măng, bê tông asphalt trong thi công các công trình xây dựng và công trình giao thông; Đá base & Đá subbase - dùng cho thi công các công trình cầu đường.

Sản xuất nhũ tương nhựa đường đem lại 7,7% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và 14,3% cơ cấu lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2011. Đến năm 2013, sản phẩm này đã mang lại 17,3% doanh thu từ hoạt động kinh doanh nhưng chiếm tới 39,3% trong cơ cấu lợi nhuận. Các sản phẩm chủ đạo của Công ty là nhũ tương nhựa đường CRS-1, CRS-2; nhũ tương nhựa đường CSS-1, CSS-1h; nhựa lỏng MC70. Ngoài ra TRANSMECO cũng cung cấp và hỗ trợ khách hàng trong vận chuyển và thi công nhũ tương nhựa đường và nhựa lỏng MC70.

Mảng kinh doanh của công ty bao gồm kinh doanh nhựa đường và kinh doanh thiết bị, lần lượt đóng góp 14,3% và 13,4% trong cơ cấu doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011. Sang năm 2013, tỷ trọng đóng góp doanh thu của kinh doanh nhựa đường đã lên 21%. Tuy nhiên hai mảng kinh doanh này chỉ chiếm dưới 6,1% lợi nhuận trong năm 2011 và 2012. Đặc biệt vào năm 2011, lợi nhuận đem lại từ kinh doanh thiết bị là không đáng kể, chỉ đem lại 241 triệu đồng, đóng góp 0,8% cơ cấu lợi nhuận.

Cơ cấu doanh thu - lợi nhuận trước thuế các sản phẩm chính của Công ty:

(Đơn vị: triệu đồng)

Hoạt động kinh doanh	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
SX Bê tông	383.333	55,0%	319.239	56,2%	197.786	38,8%
SX Đá xây dựng	66.608	9,6%	47.273	8,3%	49.761	9,8%
SX nhũ tương nhựa đường	53.966	7,7%	63.194	11,1%	88.311	17,3%
KD nhựa đường	99.470	14,3%	79.043	13,9%	107.258	21,0%
KD Thiết bị	93.264	13,4%	59.152	10,4%	66.643	13,1%
Tổng cộng	696.641	100%	567.901	100%	509.759	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

(Đơn vị: triệu đồng)

Hoạt động kinh doanh	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	LNTT	Tỷ trọng	LNTT	Tỷ trọng	LNTT	Tỷ trọng
SX Bê tông	19.251	37,6%	14.144	46,0%	1.760	12,9%
SX Đá xây dựng	19.501	38,1%	10.061	32,7%	5.249	38,5%
SX nhũ tương nhựa đường	7.278	14,2%	5.647	18,4%	5.348	39,3%
KD nhựa đường	4.427	8,7%	680	2,2%	438	3,2%
KD Thiết bị	712	1,4%	241	0,8%	830	6,1%
Tổng cộng	51.169	100%	30.773	100%	13.625	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

5.2. Nguyên vật liệu:**Nguyên vật liệu chính:**

Đối với mặt hàng kinh doanh (nhựa đường, thiết bị): nhập khẩu từ Trung quốc, Mỹ (đối với thiết bị), từ UAE, Iran, Singapore (đối với nhựa đường thùng).

- Đối với SX đá: Công ty đã được cấp nui để khai thác (theo hợp đồng thuê đất 140.000 m2 của công ty Đá), các nguyên vật liệu khác như thuốc nổ, nhiên liệu... mua trong nước.

- Đối với SX bê tông: gồm đá, cát, xi măng, nhiên liệu. Trong đó đá: mua của đơn vị nội bộ

- Đối với SX nhũ tương: gồm nhựa đường lỏng (mua của các đơn vị nhập khẩu từ nước ngoài), phụ gia (nhập khẩu từ Pháp), nhiên liệu, axit...(mua trong nước).

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm nên giá cả nguyên vật liệu là yếu tố mang tính quyết định đối với doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Nếu giá bán sản phẩm cố định thì sự biến động tăng, giảm giá nguyên vật liệu sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Tuy nhiên trong thời gian vừa qua, chi phí cho các dự án mới tăng cao mà giá bán vật liệu xây dựng giảm do thị trường bất động sản đóng băng đã tác động tiêu cực tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Về các mặt hàng kinh doanh nhựa đường, do chi phí nhập về và giá vốn rất cao chiếm một tỷ trọng không nhỏ, đồng thời công ty còn phải bán hàng ở giá thấp để cạnh tranh với các doanh nghiệp khác nên lợi nhuận thu về thấp, không đáng kể.

5.3. 5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh:

Cơ cấu chi phí của Công ty:

Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
GVHB	569.991.321.951	86,1	455.596.650.338	86,3	424.653.349.134	86,3	218.416.569.637	85,0
Chi phí TC	19.412.863.498	2,9	9.751.047.851	1,8	8.573.987.301	1,7	4.314.138.639	1,7
Lãi vay	16.826.620.114	2,5	9.393.174.714	1,8	7.841.138.164	1,6	3.122.537.297	1,2
Chi phí BH	45.544.663.701	6,9	39.758.467.603	7,5	36.467.070.131	7,4	16.655.681.711	6,5
Chi phí QLDN	26.334.572.213	4,0	19.461.939.857	3,7	20.388.236.250	4,1	11.581.653.206	4,5
Chi phí khác	501.686.697	0,1	3.614.038.545	0,7	1.857.499.728	0,4	5.921.666.123	2,3
Tổng cộng	661.785.108.060	100	528.182.144.194	100	491.940.142.544	100	256.889.709.316	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, trung bình

bằng 86% tổng chi phí. Nhìn vào tổng thể cơ cấu chi phí cho thấy tỷ trọng các chi phí được giữ ổn định hàng năm. Xét trên cơ cấu chi phí, tỷ trọng chi phí tài chính trong đó phần lớn là chi phí lãi vay, cũng có xu hướng tương tự, chiếm 1,6% trong năm 2013 so với 2,5% trong năm 2011. Chi phí lãi vay giảm xuống do công ty cũng đã chủ động giảm vay nợ..

5.4. Tình hình nghiên cứu và Phát triển sản phẩm mới: (không có)

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm: (không có)

Công ty đã và đang triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại 3 đơn vị sản xuất: Đá, Bê tông và Nhũ tương nhựa đường. Tại mỗi đơn vị sản xuất (bê tông, đá, nhũ tương), công ty có bộ phận thí nghiệm riêng để kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi xuất xưởng, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm của các đơn vị khi bán ra đều đạt chất lượng tiêu chuẩn qui định.

5.6. Hoạt động Marketing:

Công ty có bộ phận nghiên cứu thị trường nhằm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật-công nghệ mới trong sản xuất các sản phẩm của mình nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng, đặc biệt những sản phẩm yêu cầu có tính khác biệt dùng trong các dự án công trình giao thông cầu đường. Công ty cũng không ngừng có những phương thức bán hàng linh hoạt đáp ứng mọi yêu cầu của khách đặc biệt là các nhà thầu dự án BOT; Qua đó, đã góp phần củng cố thị phần sản phẩm, tăng sản lượng và qui mô doanh thu cho Công ty.

5.7. Nhãn hiệu thương mại:

Nhãn hiệu TRANSMECO bao gồm 02 hình Elip & hình trụ. Biểu tượng hình Elip và hình trụ lồng vào nhau để tạo ra hình chữ T là chữ cái đầu tiên của TRANSMECO; biểu tượng hình ngọn đuốc Olympic biểu thị cho sự phát triển mạnh mẽ. Hình dáng hình trụ lồng hình Elip giống như cây đa, cây đề biểu thị quá trình hình thành phát triển lâu dài & bền vững. Các đường kẻ màu trắng lồng bên trong màu xanh biểu thị cho sự phát triển đa ngành nghề nhưng nằm trong một khối liên kết thống nhất hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển để tạo nên một TRANSMECO vững mạnh, đoàn kết.

Nhãn hiệu sản phẩm của Công ty:



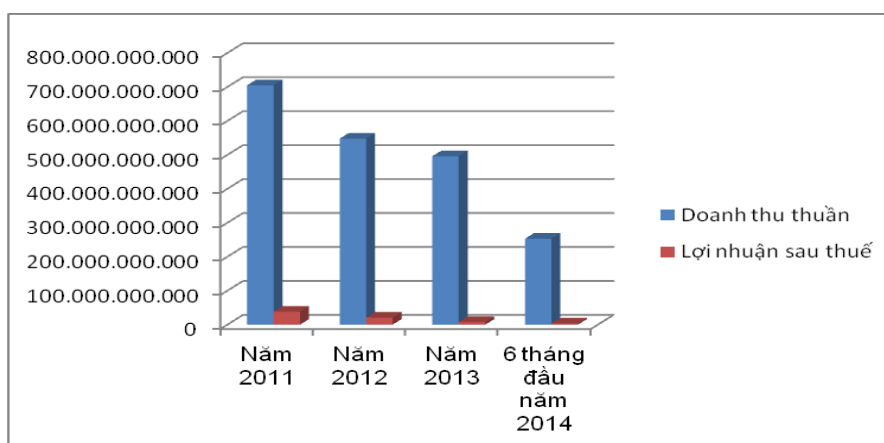
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2011 - 6 tháng đầu năm 2014:

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
Tổng tài sản	332.415.830.955	332.291.118.818	271.556.886.262	328.521.692.350
% tăng/giảm	13,0%	0,0%	-18,3%	21,0%
Vốn điều lệ	109.999.620.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Doanh thu thuần	705.150.652.864	548.135.843.142	496.303.354.862	253.283.621.654
% tăng/giảm	4,9%	-22,3%	-9,5%	-49,0%
Giá vốn hàng bán	569.991.321.951	455.596.650.338	424.653.349.134	218.416.569.637
% tăng/giảm	4,9%	-20,1%	-6,8%	-48,6%
Giá vốn hàng bán/DTT	80,8%	83,1%	85,6%	86,2%
Lợi nhuận sau thuế	39.950.416.643	20.706.651.069	8.012.131.695	3.821.294.794
% tăng/giảm	-17,1%	-48,2%	-61,3%	-52,3%
EPS	3.567	1.562	478	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm mạnh trong năm 2012, ở mức -22,3% so với cả năm 2011. Bước sang năm 2013, doanh thu thuần có mức giảm nhẹ -9,5% so với năm 2012, đạt 496.303.354.862 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do những khó khăn của thị trường bất động sản đã tác động mạnh tới thị trường vật liệu xây dựng, khiến cho doanh thu mặt hàng bê tông, mặt hàng chủ lực đem lại doanh thu chính cho công ty, bị giảm mạnh. Ngoài ra khó khăn kinh tế khiến cho mảng kinh doanh thiết bị cũng gặp nhiều trở ngại, nhu cầu tiêu thụ giảm sút, doanh thu đem lại không cao. Lợi nhuận thuần từ HĐKD cũng ghi nhận sự giảm rất mạnh, gần -61,3% trong năm 2013 so với năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán chiếm tới gần 85% doanh thu thuần, Công ty đang phải đối mặt với việc lợi nhuận giảm do phải giảm giá bán hàng để cạnh tranh trong khi giá vốn hàng bán khá cao.



(Nguồn: BCTC hợp nhất các năm - Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

Thuận lợi:

- Tình hình tài chính công ty về cơ bản lành mạnh và ổn định. Nợ quá hạn khó đòi có xu hướng tăng lên nhưng công ty vẫn kiểm soát chặt chẽ và trích lập dự phòng đầy đủ. Công ty cũng đã sử dụng nhiều nguồn vốn khác để kinh doanh, giảm việc vay nợ phụ thuộc ngân hàng do năm 2012 lãi suất lên quá cao.
- Công tác tổ chức có nhiều biến chuyển lớn như trong năm 2013 công ty đã giảm biên chế, cắt giảm chi phí (tiền lương, chi phí quản lý, chi phí sản xuất kinh doanh), sáp nhập tổ chức (sáp nhập Công ty Thiết bị Transmeco và bộ phận kinh doanh thiết bị thủy lực của Công ty cổ phần Vạn Xuân) lại khiến bộ máy tinh gọn, vận hành hiệu quả ít tốn kém hơn trước; năng lực cạnh tranh của công ty cũng được nâng cao qua việc sáp nhập này.
- Từ mô hình hoạt động 1 công ty và nhiều đơn vị hạch toán phụ thuộc, đã thực hiện chuyển đổi, tách các đơn vị hạch toán phụ thuộc thành các công ty thành viên hạch toán độc lập. Hiện nay đã có 4 công ty thành viên hạch toán độc lập tập trung vào 2 lĩnh vực sản xuất, thương mại.
- Công ty tích cực đưa ra các giải pháp công nghệ mới nhằm tăng khả năng cạnh tranh và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Khó khăn:

- Lĩnh vực khai thác đá: trong năm 2012, công ty bắt đầu tập trung cao độ cho việc xây dựng cơ bản núi mới, tuy nhiên trong quá trình thực hiện gặp một số trở ngại về thủ tục hành chính, thủ tục giải phóng mặt bằng, thủ tục giải phóng mặt bằng, thủ tục khai thác,.. Dù vậy đến nay, công ty đã triển khai căn bản khối lượng đường lên núi.
- Lĩnh vực kinh doanh thiết bị: gặp trở ngại lớn khi không còn là đại lý đối với thiết bị Liugong – là hoạt động đem lại nguồn thu ổn định trong nhiều năm trước. Tuy vậy công ty đã chuyển hướng sang kinh doanh máy XCMG. Một số dự án đầu tư dài hạn (tòa nhà Transmeco, Nhà máy nhũ tương và Kho nhựa nóng Hải Phòng, kho Đình Vũ) chưa phát huy được hiệu quả. Nguyên nhân là do các yếu tố khó khăn của nền kinh tế cộng với công tác quản trị chưa hiệu quả đã ảnh hưởng tới việc sử dụng nguồn vốn và kết quả kinh doanh năm 2013, có thể còn tiếp tục ảnh hưởng đến năm 2014. Ngoài ra việc đầu tư dài hạn này cũng làm giảm lợi nhuận, tăng chi phí trong các năm gần đây.
- Thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng trong thời gian vừa qua gây khó khăn cho việc tiêu thụ bê tông, đá và thiết bị trong mảng xây dựng. Đối với thị trường giao thông, tuy có tích cực hơn nhưng chỉ tập trung vào các dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ.
- Sản lượng tiêu thụ của các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt đạt thấp, giá bán giảm do cạnh tranh, dẫn đến doanh thu của công ty giảm so với kế hoạch. Cạnh tranh ngày càng gay gắt tạo áp lực giảm giá với hầu hết các sản phẩm chủ lực của công ty.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:**7.1. Vị thế của Công ty trong ngành:**

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, ngày nay Transmeco đã trở thành một doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng vật liệu, thiết bị cho thị trường xây dựng cơ sở hạ tầng ở Việt Nam. Những sản phẩm mang thương hiệu Transmeco: Đá xây dựng Transmeco, Bê tông thương phẩm Transmeco, nhũ tương nhựa đường Transmeco, ... là biểu tượng cho chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ tốt nhất đã được thị trường chấp nhận. Đó là kết quả từ một phương châm kinh doanh, một chiến lược phát triển đã được Ban lãnh đạo Transmeco Group xác định từ nhiều năm trước đây.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Trong tương lai trung và dài hạn khi thị trường bất động sản hồi phục lại, nhu cầu xây dựng công trình dân dụng tăng cao, cơ hội phát triển cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng sẽ rộng mở. Hơn nữa đất nước đang trong thời kỳ xây dựng phát triển, cần nhiều xây dựng công trình công cộng để nâng cấp cơ sở hạ tầng, luồng tiền đầu tư các công trình công cộng sẽ tiếp tục tăng cao trong thời gian tới kéo theo ngành sản xuất vật liệu xây dựng phát triển.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:

Transmeco phấn đấu trở thành một trong số các Công ty có quy mô với về sản xuất vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông xây dựng, nhũ tương nhựa đường) phục vụ cho thị trường xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và đô thị tại Việt Nam. Công ty vẫn đang kiên trì thực hiện sứ mệnh trở thành nhà hậu cần vững chắc, đáng tin cậy cho các nhà thầu, các nhà thi công cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và đô thị tại Việt Nam.

8. Chính sách đối với người lao động:**8.1. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2014:**

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ
1	Phân theo trình độ lao động		
	Trên Đại học và Đại học	82	29%
	Cao đẳng và trung cấp	30	10%
	Lao động phổ thông	174	61%
	Tổng cộng	286	100%
2	Phân theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	171	60%
	Lao động gián tiếp	115	40%
	Tổng cộng	286	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

8.2. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty như: Hợp đồng lao động, quyền lợi của người lao động, việc làm và đảm bảo việc làm, quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, quy định chế độ đào tạo, chính sách lương, thưởng, kỷ luật...

Thỏa ước lao động tập thể định kỳ được xây dựng mới và hàng năm có bổ sung.

9. Tình hình tài chính:**9.1. Báo cáo về Vốn điều lệ:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101505800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 21 tháng 10 năm 2014 Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng), tương ứng với 12.000.000 cổ phần.

9.2. Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được áp dụng theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được Công ty ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15-50 năm
- Máy móc thiết bị	05-08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 03 năm.

9.3. Mức thu nhập bình quân của CNV:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	2011	2012	2013	6 tháng 2014
Thu nhập bình quân	6.712.000	5.860.000	5.636.000	5.760.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

9.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của Công ty.

9.5. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt theo các quy định của Nhà nước.

Chi tiết khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	1.460.130.415	1.867.596.733	354.275.078
Thuế xuất, nhập khẩu	-	29.865.559	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.332.911.659	7.546.901.278	2.105.395.894
Thuế thu nhập cá nhân	496.556.244	145.976.218	93.143.376
Thuế tài nguyên	90.829.200	122.068.800	244.401.300
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	323.245.000	1.397.825.000	1.255.396.950
Các loại thuế khác	2.000.000	2.000.000	23.381.709
Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	43.252.000	130.788.000	147.741.075
Tổng cộng	15.748.924.518	11.243.021.588	4.223.735.382

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty có xu hướng giảm mạnh, đặc biệt là khoản Thuế giá trị gia tăng phải nộp cùng với Thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên thuế nhà đất và tiền thuê đất đang có xu hướng tăng nhanh và tăng cao do những thay đổi về quy định mức thuế đất trong thời gian gần đây đồng thời công ty cũng đang triển khai thêm nhiều dự án mới nên thuê thêm nhiều khu đất mới.

9.6. Trích lập các quỹ theo luật định:

Tình hình trích lập các quỹ của Công ty 03 năm gần đây:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	370.000.000	350.000.000	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.500.000.000	2.000.000.000	0
Cổ tức	19.799.931.600	15.600.000.000	8.400.000.000
Tổng cộng	20.169.931.600	17.950.000.000	8.400.000.000

9.7. Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số dư nợ tại 31/12/2013
Vay và nợ ngắn hạn	17.984.489.185
NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh HN	5.741.909.274
NH NN và PTNT - Huyện Thanh Liêm	2.313.715.751
NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh HN	4.000.000.000
NH TMCP Công Thương VN	5.628.864.160
Vay đối tượng khác	300.000.000
Vay và nợ dài hạn	28.518.014.752
NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh HN	735.000.000
NH TMCP Quốc tế Việt Nam	654.747.329
NH TMCP Bảo Việt	2.066.200.000
NH NN và PTNT - Huyện Thanh Liêm	1.200.000.000
NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh HN	905.248.977
NH TMCP Bảo Việt	1.600.000.000
NH NN và PTNT - Chi nhánh Trảng An	4.400.000.000
NH NN và PTNT - Chi nhánh Trảng An	2.915.000.000
NH TMCP Công Thương Hà Nội	5.747.500.000
NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh HN	7.669.318.446
NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh HN	625.000.000
Tổng cộng	46.502.503.937

(Nguồn: Thuyết minh Báo cáo tài chính 2013 đã được kiểm toán
- Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

9.8. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
Tổng tài sản	332.415.830.955	332.291.118.818	271.556.886.262	308.342.802.905
% tăng/giảm	13,0%	0,0%	-18,3%	13,5%
Vốn điều lệ	109.999.620.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Doanh thu thuần	705.150.652.864	548.135.843.142	496.303.354.862	253.283.621.654
% tăng/giảm	4,9%	-22,3%	-9,5%	-49,0%
Giá vốn hàng bán	569.991.321.951	455.596.650.338	424.653.349.134	218.416.569.637
% tăng/giảm	4,9%	-20,1%	-6,8%	-48,6%
Giá vốn hàng bán/DTT	80,8%	83,1%	85,6%	86,2%
Lợi nhuận sau thuế	38.360.765.185	20.706.651.069	8.012.131.695	3.821.294.794
% tăng/giảm	-20,4%	-46,0%	-61,3%	-52,3%
EPS	3.487	1.726	668	318

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Trong giai đoạn 2011-2013, tổng tài sản của Công ty có biến động giảm, trong năm 2013, tổng tài sản của Công ty tiếp tục giảm 18,3% đạt 271.556.886.262 đồng. Cùng với đó, khoản mục doanh thu thuần và giá vốn hàng bán của Công ty cũng có biến động giảm trong giai đoạn. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế của Công ty có biến động giảm mạnh trong giai đoạn 2011-2013 do sự sụt giảm của doanh thu, đồng thời tốc độ giảm của doanh thu cao hơn tốc độ giảm của giá vốn hàng bán. Trong sáu tháng đầu năm 2014, mặc dù tổng tài sản và doanh thu thuần của Công ty có dấu hiệu tốt lên, tuy nhiên tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của Công ty vẫn đạt mức cao đạt 86,2%, cao nhất trong giai đoạn 2011-6 tháng 2014.

9.9. Tình hình công nợ hiện nay:**Các khoản phải thu**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Phải thu của khách hàng	140.116.735.028	123.101.767.501	83.100.464.900	110.435.290.264
Trả trước cho người bán	8.784.021.774	7.817.017.171	3.019.029.923	3.708.818.685
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	1.007.201.479
Các khoản phải thu khác	553.923.978	274.586.624	227.482.248	5.126.947.812
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.710.479.675)	(6.047.038.759)	(6.627.105.894)	(5.349.698.404)
Tổng	144.744.201.105	125.146.332.537	79.719.871.177	114.928.559.836

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Tổng các khoản phải thu có xu hướng giảm mạnh trong giai đoạn 2011-2013 và tăng mạnh trở lại trong 6 tháng đầu năm 2014, tại thời điểm 31/12/2013 khoản mục này đạt 79.719.871.177 đồng thấp nhất trong cả giai đoạn, giảm 44,92% so với 31/12/2011. Nguyên nhân chủ yếu là do mức giảm tới 40,69% của khoản mục phải thu của khách hàng, khi mà khoản mục này biến động cùng chiều với doanh thu thuần trong giai đoạn. trong năm 2013 so với năm 2011.

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Nợ ngắn hạn	155.880.185.983	173.378.489.662	118.011.216.806	146.576.596.297
Vay và nợ ngắn hạn	32.816.865.032	26.110.497.662	30.016.596.150	44.777.798.360
Phải trả người bán	87.306.111.426	110.811.020.590	68.347.874.250	82.050.343.810
Người mua trả tiền trước	3.852.589.100	5.448.366.482	2.372.765.920	1.119.391.760
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	15.748.924.518	11.243.021.588	4.223.735.382	5.818.222.091
Phải trả người lao động	6.847.766.506	4.757.647.967	5.346.681.241	2.208.244.671
Chi phí phải trả	1.688.645.861	1.171.024.551	486.804.669	806.696.400
Phải trả nội bộ	-	-	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.753.497.345	9.533.002.184	2.931.843.342	6.153.367.387
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.288.176.767	1.006.317.696	905.057.904	905.057.904
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.577.609.428	3.297.590.942	3.379.857.948	2.737.473.914
Nợ dài hạn	36.502.645.352	23.816.019.081	16.485.907.787	24.720.582.359
Vay và nợ dài hạn	36.254.773.129	23.816.019.081	16.485.907.787	24.720.582.359
Phải trả dài hạn khác	247.872.223	-	-	-
Tổng cộng	192.382.831.335	197.194.508.743	134.497.124.593	171.297.178.656

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Nợ ngắn hạn chiếm 81% trong tổng các khoản phải trả trong năm 2011 và chiếm trên 85% trong giai đoạn tiếp theo 2012-2013. Hầu hết tất cả các khoản mục đều có sự sụt giảm đáng kể so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu cho khoản giảm 31,93% của nợ ngắn hạn (khoản mục chiếm gần 50% cơ cấu các khoản phải trả) tính đến 31/12/2013 so với cùng kỳ năm trước là sự sụt giảm mạnh của khoản mục phải trả người bán, giảm gần 56,45%. Ngoài ra sự giảm xuống của vay và nợ dài hạn (khoản mục chiếm gần 100% nợ dài hạn) gần 54,53% tính đến 31/12/2013 so với cùng thời điểm năm 2011 đã tác động lớn đến sự giảm xuống của tổng các khoản phải trả.

9.10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Đvt	2011	2012	2013	6/2014
Khả năng thanh toán					
1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,27	1,13	1,21	1,27
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,12	0,95	0,90	1,00
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1. Vòng quay các khoản phải thu	Lần	5,29	4,06	4,85	2,36
2. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	69	90	75	155
3. Vòng quay hàng tồn kho	Lần	19,59	16,68	12,35	5,39
4. Số ngày luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	19	22	30	68
5. Vòng quay vốn lưu động	Lần	3,55	2,78	2,92	1,45
6. Số ngày hoàn thành chu kỳ KD	Ngày	103	131	125	251
7. Vòng quay khoản phải trả	Lần	3,12	2,34	2,56	1,34
8. Kỳ trả nợ bình quân	Ngày	117	156	143	272
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	5,44	3,78	1,61	1,51
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	34,87	17,26	6,68	3,18
3. ROA	%	11,54	6,23	2,95	1,16
4. ROE	%	28,13	15,88	6,14	2,93
Chỉ số về cơ cấu vốn					
1. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	141,1	151,2	103,1	146,9
2. Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	%	57,87	59,34	49,53	58,28

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty khá ổn định trong giai đoạn 2011-2013 cũng như 6 tháng đầu năm 2014, đứng ở mức an toàn lớn hơn 1. Hệ số thanh toán nhanh có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2013, năm 2012 và 2013 vẫn đứng ở mức không an toàn dưới 1. Sáu tháng đầu năm nay, hệ số đã được cải thiện bằng 1. Điều này cho thấy rằng Công ty có thể gặp khó khăn về thanh khoản trong ngắn hạn khi mà hàng tồn kho chậm trong việc được bán. Tuy nhiên hệ số này khá ổn định quanh mức 1 và luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ của công ty ở mức an toàn.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động: Vòng quay các khoản phải thu có xu hướng giảm do tốc độ tăng (giảm) các khoản phải thu cao hơn so với tốc độ tăng (giảm) của doanh thu. Ngày thu tiền bình quân của Công ty có dấu hiệu tăng, chứng tỏ khách hàng đã tăng hiện tượng chậm trả tiền và gián tiếp chiếm dụng vốn của Công ty. Vòng quay hàng tồn kho có dấu hiệu giảm trong cả giai đoạn 2011-2013. Điều này là do hàng tồn kho của Công ty đang tăng qua các năm trong khi doanh thu thuần vẫn giảm. Số ngày luân chuyển hàng tồn kho có xu hướng tăng, cho thấy Công ty quản lý hàng tồn kho chưa tốt. Trong khi đó, vòng quay khoản phải trả nhìn chung có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2013, chủ yếu do mức giảm của giá vốn hàng bán nhanh hơn mức giảm của các khoản phải trả. Kỳ trả nợ bình quân có xu hướng tăng, cho thấy sự hiệu quả trong việc quản lý thanh toán tới nhà cung cấp làm giảm áp lực

lên nhu cầu về tiền trong ngắn hạn.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2013. Đó cũng là xu hướng chung của những chỉ tiêu còn lại. Nguyên nhân chủ yếu là do sự sụt giảm mạnh của lợi nhuận sau thuế trong năm 2013 mà chủ yếu là do doanh thu sụt giảm mạnh. Nhìn chung, Công ty hoạt động hiệu quả trong giai đoạn 2011, 2012, tuy nhiên từ năm 2013 cho đến thời gian gần đây, công ty đang kém hiệu quả trong việc tạo doanh thu và lợi nhuận từ số tiền vốn và tài sản hiện có.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn: Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao với mức sử dụng nợ gấp 1,5 lần vốn chủ sở hữu trong cấu trúc nguồn vốn trong giai đoạn 2011 -2012. Tỷ lệ nợ phải trả trên tài sản cũng ở mức trung bình khoảng 50%, cho thấy Công ty ít phụ thuộc vào khoản vay để tài trợ cho tài sản. Mặc dù khoản nợ phải trả có xu hướng giảm mà chủ yếu là do sự giảm khoản vay và nợ ngắn hạn, sự tăng lên về tài sản cũng như nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng phản ánh tín hiệu tích cực của xu hướng giảm nợ phải trả trong giai đoạn 2011-2013. Tuy nhiên đến 6 tháng đầu năm nay, biến động tăng của nợ phải trả cộng với nguồn vốn chủ sở hữu biến động không nhiều so với năm ngoái đã khiến cho tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu quay lại mức gần 1,5 lần.

10. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: (Không có)

11. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán: (Không có)

12. Tài sản*Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2013**Đơn vị: đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	196.423.883.885	105.174.120.904	91.249.762.981
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	34.027.350.785	14.310.297.443	19.717.053.342
2	Máy móc thiết bị	62.331.964.091	42.106.014.462	20.225.949.629
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	98.818.117.443	47.633.919.344	51.184.198.099
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.194.233.384	1.117.362.378	76.871.006
5	Cây lâu năm, súc vật	52.218.182	6.527.277	45.690.905
II	Tài sản cố định vô hình	2.231.149.533	1.537.797.857	693.351.676
1	Quyền sử dụng đất	1.419.710.072	968.891.401	450.818.671
2	Phần mềm vi tính	698.839.461	471.584.231	227.255.230
3	Tài sản cố định vô hình khác	112.600.000	97.322.225	15.277.775
III	Tổng cộng	198.655.033.418	106.711.918.761	91.943.114.657

(Nguồn: BCTC hợp nhất Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị giao thông)

12.1. Tình hình sử dụng đất của Công ty:

TT	Địa Chỉ	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m2)	Cơ sở pháp lý	Hình thức thuê đất
1	Trụ sở, văn phòng làm việc Địa chỉ: 162 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Trụ sở, văn phòng làm việc Công ty	3,058.8	- Quyết định số 2461/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 05/04/2013 về việc cho Công ty Transmeco thuê đất. Trong đó: - 2.759,1 m2 có thời hạn thuê 50 năm kể từ 15/10/1993. - 299,7 m2 trong chỉ giới đỏ không được xây dựng công trình.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
2	Cơ sở sản xuất bê tông Địa chỉ: Xã Vĩnh Quỳnh, Quận Thanh Trì, Hà Nội	Cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông	15,023	- Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ký với UBND thành phố Hà Nội, trong đó 7.932,5 m2 có thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 22/05/2002 và 6.041,5 m2 trong chỉ giới đỏ không được xây dựng công trình.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
3	Cơ sở sản xuất nhũ tương nhựa đường Địa chỉ: Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	Cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhũ tương	8,821.4	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 538096 cấp ngày 28/12/2010 của UBND Thành phố Hải Phòng. - HĐ thuê đất số 197/HĐTD ngày 28/12/2010 ký với UBND Thành phố Hải Phòng. - Thời hạn thuê: 30 năm kể từ ngày 06/02/2001.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
4	Kho chứa và phân phối nhựa đường Địa chỉ: KCN Nam Cầu Kiền, Hải Phòng	Cơ sở sản xuất và kinh doanh nhựa	14,990	- Hợp đồng thuê đất số 197/HĐTD/SHI-TMC ngày 24/11/2009 của Công ty Cổ phần CN Tàu thủy SHINEC. - Thời hạn thuê đất: 50 năm đến 29/05/2058.	Trả tiền thuê đất theo đợt.
5	Cơ sở sản xuất bê tông xi măng thương phẩm Địa chỉ: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	Cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông	6,359.2	- Hợp đồng thuê đất số 431/HĐTD ký với UBND thành phố Hà Nội. - Thời hạn thuê đất: kể từ ngày 06/10/2003 đến ngày 31/12/2029.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
6	Cơ sở sản xuất nhũ tương nhựa đường Địa chỉ: Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	Cơ sở sản xuất và kinh doanh nhũ tương	2,000	- Quyết định số 3969/UBND-TNMT ngày 4/6/2014 chấp nhận việc kiến nghị của công ty xin thuê lại đất.	Đang làm thủ tục thuê

7	Thôn Đồng Ao, Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Mở khai khai thác đá và bãi kinh doanh đá xây dựng	50,097	- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng số CT600058, CT600061, CT600060, CT600059, CT600062 ngày 07/02/2006 của UBND tỉnh Hà Nam cấp lần lượt cho 5.449 m ² , 18.581 m ² , 8.286 m ² , 12.328 m ² , 5.453 m ² đất, thời hạn thuê đất đến ngày 31/10/2023.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
8	Thôn Đồng Ao, Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Mở khai khai thác đá và bãi kinh doanh đá xây dựng	140,000	- Hợp đồng thuê đất số 104/HĐTĐ ngày 16/11/2011 ký với UBND thành phố Hà Nam. - Thời hạn thuê đất 30 năm kể từ ngày 19/08/2041.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
9	Thôn Đồng Ao, Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Mở khai khai thác đá và bãi kinh doanh đá xây dựng	81,000	- Hợp đồng thuê đất số 56/HĐTĐ ngày 03/8/2012 ký với UBND thành phố Hà Nam. - Thời hạn thuê đất: đến tháng 7 năm 2014.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
10	Thôn Đồng Ao, Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Mở khai khai thác đá và bãi kinh doanh đá xây dựng	2,250	- Hợp đồng thuê đất số 18/2013/HĐTĐ ngày 30/12/2013 ký với UBND thành phố Hà Nam. - Thời hạn thuê đất: từ ngày 01/01/2014 đến 30/12/2016.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
11	Thôn Đồng Ao, Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	Mở khai khai thác đá và bãi kinh doanh đá xây dựng	64,602.5	-Biên bản làm việc thống nhất tạm giao đất của UBND xã Thanh Thủy thời hạn đến 30/12/2015.	Trả tiền thuê đất hàng năm.

14. Lý lịch Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**14.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:****❖ Ông Vũ Kim Bảng - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Vũ Kim Bảng
Ngày tháng năm sinh	24/05/1948
Số CMND	010 114 256
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	2.216.971 cổ phần
- Cá nhân	2.216.971 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	2.395.364 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Đặng Đình Thuận – Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty

Họ và tên	Đặng Đình Thuận
Ngày tháng năm sinh	01/05/1958
Số CMND	010 302 133
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường bộ
Chức vụ đang nắm giữ	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	3.304.518 cổ phần
- Cá nhân	330.157 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn NN	2.974.361 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

- Ông Lê Vĩnh Viễn – Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty

Họ và tên	Lê Vĩnh Viễn
Ngày tháng năm sinh	20/08/1958
Số CMND	011 133 479
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí ô tô
Chức vụ đang nắm giữ	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	85.409 cổ phần
- Cá nhân	85.409 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn NN	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Lê Ngọc Diệp – Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty

Họ và tên	Lê Ngọc Diệp
Ngày tháng năm sinh	06/03/1968
Số CMND	011 417 893
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Chức vụ đang nắm giữ	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	678.929 cổ phần
- Cá nhân	678.929 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	159.546 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Vũ Tổ Phong – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Vũ Tổ Phong
Ngày tháng năm sinh	30/10/1962
Số CMND	011741404
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	43.710 cổ phần
- Cá nhân	43.710 cổ phần

- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

14.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**❖ Bà Ngô Thị Hồng Hạnh - Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Ngô Thị Hồng Hạnh
Ngày tháng năm sinh	11/06/1960
Số CMND	010 397 961
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thực phẩm, Cử nhân kinh tế (chuyên ngành kế toán)
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	24.301 cổ phần
- Cá nhân	24.301 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Tô Thanh Hương – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Tô Thanh Hương
Ngày tháng năm sinh	31/12/1979
Số CMND	011 979 391
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban kiểm soát.
Số cổ phần nắm giữ	65.584 cổ phần
- Cá nhân	65.584 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Trần Xuân Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Trần Xuân Dũng
Ngày tháng năm sinh	20/12/1988
Số CMND	012 655 900
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh khách sạn
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Ban đầu tư 4 - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Cá nhân	0 cổ phần

- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

14.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:

- ❖ Ông Đặng Đình Thuận – Tổng Giám đốc
- ❖ Ông Lê Vĩnh Viễn – Phó tổng giám đốc Công ty
- ❖ Bà Lê Ngọc Diệp – Phó tổng giám đốc Công ty

Xem phần 14.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

14.4. Kế toán trưởng:

- ❖ Bà Bùi Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

Họ và tên	Bùi Thị Thu Hương
Ngày tháng năm sinh	10/10/1973
Số CMND	011 910 387
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế (chuyên ngành kế toán)
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ	79.572 cổ phần
- Cá nhân	79.572 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

VI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ THIẾT BỊ
GIAO THÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Ông: Vũ Kim Bảng
Chủ tịch HĐQT

Ông: Phạm Hữu Tuấn
Phó Tổng Giám đốc